CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM

KIM Vietnam Fund Management Company

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM
KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 10 năm 2026
Ho Chi Minh City, October 19, 2026

Số/ *No* .: 20261019/KTGD/FUEKIVND-CBTT

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI

ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi : Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh/
/To : Ho Chi Minh City Stock Exchange

- Tên Công ty Quản lý quỹ/ *Fund Management company:* — Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam/ *KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.*
- *Tên Ngân hàng giám sát/ Superviosry bank:* — Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa/ *Bank for Investment and Development ò VietNam JSC - Nam Ky Khoi Nghia Branch*
- Tên quỹ ETF/ *ETF name:* — Quỹ ETF KIM GROWTH VND/ *KIM GROWTH VND ETF*
- Mã chứng khoán/*Securities symbol:* — **FUEKIVND**
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Main office address* — *Văn phòng số 6.02, Tầng 6, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1, số 15 Đường Trần Bạch Đằng, Khu phố 39, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam* / *Unit 6.02, 6F, The Mett Building 15 Tran Bach Dang Street, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam*

Chúng tôi thông báo danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ *We announce the components of the basket to exchange for one lot of ETF as follow:*

- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange date:* **16/10/2026**
- Đơn vị tính lô ETF/ *Unit:* 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ *1 lot of ETF/ Creation Unit = 100 000 ETF certificates*

- Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lôt ETF/ Components and weighting:

STT *No.*	**Mã chứng khoán** *Securities code*	**Số lượng** *Volume*	**Tỷ lệ % trong danh mục** *Weight (%)*
I. Chứng khoán/ *Securities*			
1	ACB	4,300	7.49%
2	BMP	100	1.19%
3	CTD	300	1.60%
4	CTG	800	2.02%
5	FPT	3,100	15.20%
6	GMD	2,500	11.20%
7	HDB	3,400	6.55%
8	KDH	600	0.69%
9	MBB	4,100	6.90%
10	MSB	1,400	1.73%
11	MWG	2,500	15.38%
12	NLG	1,500	2.71%
13	OCB	600	0.51%
14	PNJ	2,500	3.85%
15	REE	1,200	4.56%
16	TCB	3,400	9.46%
17	TPB	1,000	0.99%
18	VPB	3,500	7.23%
II. Tiền/ *Cash*			
	Tiền/ Cash (VND)	8,775,937	0.74%
III. Tổng / Total (= I + II)			
		1,183,060,937	

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ B*asket value* : (VND) **1,174,285,000**
- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF* : (VND) **1,183,060,937**
- Giá trị chênh lệch/ *Spread in value* : (VND) **8,775,937**
- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ *Plan to reduce the spread*
+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*
+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại *Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/ *In case stock can be replaced by cash:*

STT *No.*	Mã chứng khoán *Securities code*	Tiền thay thế tương ứng 1 CP/ *Cash Substitution per share (VND)*	Đối tượng áp dụng/ *Applied to*	Lý do/ *Reason*
1	CTD	63,000	Nhà đầu tư nước ngoài Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
2	MWG	72,800	Nhà đầu tư nước ngoài Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
3	REE	45,000	Nhà đầu tư nước ngoài Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu phát sinh sự kiện doanh nghiệp (nếu có)
  State if component securities shall have corporate action (if any):
- Việc sửa, hủy lỗi giao dịch (nếu có)/ *The correction and cancellation of transaction errors (if any):*
- Các nội dung khác có liên quan (nếu có)/ *Other relevant information (if any)*

- Các chỉ tiêu khác/ *Other criteria:*

Chỉ tiêu/ *Criteria*	Kỳ này/ *This period* (*) 16/10/2026	Kỳ trước/ *Last period* (**) 15/10/2026	Chênh lệch/ *Difference*
1. Số lô đã phát hành thêm/ *Creation units issued*	1		1
2. Số lô đã mua lại/ *Creation units redeemed*			-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ *Outstanding shares*	5,900,000	5,800,000	100,000
4. Giá đóng cửa (VND/ ccq)/ *Closing price*	11,900	11,840	60.00
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ *Net asset value at valuation date*			
của quỹ ETF/ *of the Fund*	68,617,534,384	68,498,849,259	118,685,125
của 1 lô CCQ ETF/ *per ETF creation unit*	1,183,060,937	1,181,014,642	2,046,295
của 1 CCQ/ *per Share*	11,830.60	11,810.14	20.46
6. Chỉ số tham chiếu/ *Tracking Index*	2,180.40	2,162.96	17.44

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 15/10/2026 */ Item 5 is net asset value at 15/10/2026*
(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 14/10/2026 */ Item 5 is net asset value at 14/10/2026*

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

We declare that all information provided in this paper is true and accrate; we shall be legally responsible for any mispresentation.

Đại diện có thẩm quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ
Authorised Representative of Fund Management Company

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM
P. AN KHÁNH - T.P HỒ CHÍ MINH

Hyun Dongsik
CHỦ TỊCH HĐTV